TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CK** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày: 25-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CK, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diêu Hoàng Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Lâm Thị Hòa Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS, ngày 02 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê VĂn Út E, sinh năm 1980 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp BL A, xã TN, huyện CK, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Hoàng G, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Giồng D, xã HÂ, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp ÔC, xã TH, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* ông Ngô Văn V, sinh năm 1991 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn CK, huyện CK, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 14 tháng 4 năm 2020, bị cáo Lê VĂn Út E một mình điều khiển xe mô tô từ nhà đi đến chợ xã HT, huyện Tr Ô, tỉnh Vĩnh Long để mua sắm cá nhân. Khi đi ngang vườn cam của ông Nguyễn Văn D và Trần Hoàng G tại ấp BM, xã HÂ, huyện CK, tỉnh Trà Vinh, bị cáo vào trong vườn gặp ông G và nói chuyện với ông G; Sau đó, bị cáo tiếp tục đi chợ Hựu Thành. Đến khoảng 11giờ cùng ngày bị cáo đi trở về ngang vườn cam của ông D và ông G, bị cáo đi vào chòi giử cam nhưng không thấy ông D và ông G (lúc này ông D và Ông G đang phun thuốc trừ sâu trong vườn cam) cửa chòi không khóa, không có ai trong chòi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vào bên trong chòi phát hiện nơi giường ngủ có 01 điện thoại di động hiệu HUA WEI Y7 PRO của ông G và số tiền 1.640.000 đồng của ông D để bên trong nón bảo hiểm, bị cáo đi đến lấy điện thoại di động và số tiền trên bỏ vào trong túi quần rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà bị cáo tháo lấy sim trong điện thoại vừa trộm được ra để cất giấu, sau đó bị cáo đem điện thoại đến siêu thị Thế Giới di động tại khóm B, thị trấn CK, huyện CK để chạy lại chương trình và sử dụng, số tiền 1.640.000đ bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Ông Trần Hoàng G và Nguyễn Văn D sau khi phun thuốc trừ sâu trong vườn cam xong đi vào chòi thì mới phát hiện tài sản của mình bị mất trộm nên trình báo sự việc cho Cơ quan công an.

Cơ quan cảnh sát điều tra yêu cầu định giá tài sản số 25 ngày 29/4/2020, 01 điện thoại di động hiệu HUA WEI Y7 PRO, màu xanh được mua mới vào tháng 8/2019 với giá 4.150.000đ, tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/BKL- HĐĐG ngày 04/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CK kết luận, giá trị tài sản yêu cầu định giá là 3.320.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản bị cáo Lê VĂn Út E trộm cắp của các bị hại là 4.960.000 đồng.

Quá trình làm việc, bị cáo Lê VĂn Út E đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu HUA WEI Y7 PRO và sim thuê bao mạng Viettel có các chử số 8984 04800 00509 84772 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện CK, bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại trả lại 1.640.000 đồng cho ông Nguyễn Văn D.

Cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu, bị thu giử, tạm giử, 01 điện thoại di động hiệu HUA WEI Y7 PRO, màu xanh đã qua sử dụng, 01 sim thuê bao mạng Viettel, loại Nano sim, có các chữ số in trên sim theo thứ tự từ trên xuống: 8984 04800 00509 84772, bằng hình thức trao trả lại cho ông Trần Hoàng G (Bút lục số 53,55).

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị cáo, lời khai của các bị hại, cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định hành vi của bị cáo Lê VĂn Út E đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, ngày 06/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lê VĂn Út E để tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 18/CT-VKS-HS ngày 01/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Lê VĂn Út E về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê VĂn Út E thừa nhận những hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, tỉnh Trà Vinh truy tố, bị cáo đã nộp lại điện thoại cho cơ quan điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Giang; trả lại đủ tiền cho anh D, đồng thời ăn năn hối cải về hành vi sai trái của mình nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị hại Trần Hoàng G và Nguyễn Văn D trình bày đã nhận lại đầy đủ tài sản bị thiệt hại nên không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CK tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê VĂn Út E về tội danh và điều luật như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã TN và gia đình giám sát giáo dục, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do không có thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại đã được bồi thường đầy đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CK đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hình sự: đề nghị buộc bị cáo nộp theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê VĂn Út E khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại; sơ đồ hiện trường; kết luận định giá tài sản bị thiệt hại, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 11 giờ ngày 14/4/2020, tại chòi giử cam của Trần Hoàng G và Nguyễn Văn D, thuộc ấp Bà My, xã Hòa Ân, huyện CK, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Lê VĂn Út E đã có hành vi lén lúc trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động hiệu HUA WEI Y7 PRO, 01 sim thuê bao mạng Viettel của ông Trần Hoàng G và số tiền 1.640.000 đồng của Nguyễn Văn D, tiền bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, điện thoại di động bị cáo đem đến siêu thị Thế Giới di động tại khóm 5, thị trấn Cầu Kè, chạy lại chương trình để sử dụng cá nhân, sau đó khi Công an làm việc bị cáo đã hoàn trả lại điện thoại và tiền cho các bị hại. Do đó, cáo

trạng số 18/VKS-HS ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CK truy tố bị cáo Lê VĂn Út E về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

[2] Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo cho rằng nguyên nhân bị cáo phạm tội là do cần tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền và điện thoại của các bị hại để tiêu xài cho mục đích cá nhân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bản thân bị cáo là người thành niên, có đầy đủ sức khỏe nhưng không tự mình lao động ra của cải vật chất cho bản thân và gia đình, hay tích cực cùng với chính quyền địa phương bảo vệ trật tự trị an trong xóm ấp, bảo vệ thành quả lao động chính đáng của gia đình, của bản thân, của bà con lối xóm. Không làm được như vậy bị cáo học đòi theo những phần tử xấu, lười lao động, chỉ vì ham muốn nhanh chóng có tài sản nhưng không phải lao động chân chính dẫn đến hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, đối với bị cáo Lê VĂn Út E cần áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự để lên cho bị cáo một mức án tương ứng với mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có lợi cho gia đình và hữu ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê VĂn Út E là không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra cũng như tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân chưa có tiền án, tiền sự chỉ nhất thời phạm tội; bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trên bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác như tại phiên tòa hôm nay các bị hại đã xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo đang nuôi hai con nhỏ; đang nuôi cha mẹ già yếu tên Lê Văn T, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948, tình tiết này được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với hành vi phạm tội của bị cáo lẽ ra phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình; đang nuôi hai con nhỏ; đang nuôi cha mẹ già yếu nên không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù vì bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê VĂn Út E bằng hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Tam Ngãi, huyện CK, tỉnh Trà Vinh kết hợp với gia đình của bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cũng đủ để răn đe bị cáo, đảm bảo đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo. Do bị cáo nghề nghiệp là làm vườn và không có thu nhập ổn định nên miễn trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: tại tòa hôm nay bị hại anh Trần Hoàng G và Nguyễn Văn D không yêu cầu bồi thường do đã nhận lại tài sản đã bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu HUA WEI Y7 PRO và sim thuê bao mạng Viettel 8984 04800 00509 84772. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho bị hại Trần Hoàng G đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[9] Về tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CK, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CK, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lê VĂn Út E phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê VĂn Út E 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê VĂn Út E cho Ủy ban nhân dân xã TN, huyện CK, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Lê VĂn Út E có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TN, huyện CK, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê VĂn Út E.

Về trách nhiện dân sự: bị hại anh Trần Hoàng G và Nguyễn Văn D không yêu cầu bồi thường do đã nhận lại tài sản đã bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho bị hại Trần Hoàng G đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê VĂn Út E phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xét xử công khai bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận*:*
- TAND Tỉnh Trà vinh;
- VKSND huyện CK;
- Công an huyện CK;
- CC Thi hành án DS huyện CK;
- UBND xã Tam Ngãi, huyện CK
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diêu Hoàng Tiếp